

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về  
ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Trọn.

Bà Trần Ánh Nhạn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 677/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ô 5/52, tổ 02, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ô 5/52, tổ 02, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19-11-2020 và qua các lần làm việc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà cùng chồng là ông L sống chung với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng không có tổ chức lễ gì cả nên không có nữ trang ngày cưới. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G vào ngày 14-12-2007. Sau khi đến với nhau ông bà sống chung với cha mẹ

chồng tại khu phố T, thị trấn G, huyện G khoảng 08 năm, sau đó vợ chồng ra ngoài thuê nhà trọ để sống. Từ năm 2010 vợ chồng ly thân cho đến nay.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 23-10-2007, hiện đang sống với bà.

Vợ chồng chung sống không tài sản chung và nợ chung.

Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nên không có hạnh phúc, do chồng bà ham mê cờ bạc và không lo làm ăn; có lần chồng bà cờ bạc, bà phải bán nhà và đem tiền qua sòng bạc (casino) tại Campuchia để trả nợ cho chồng. Ngoài ra, chồng bà 02 lần bị Tòa án xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, một lần bị phạt 02 năm tù và một lần bị phạt 07 năm tù. Vì vậy, từ 2010 vợ chồng ly thân cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau và cũng không ai có thiện chí hàn gắn gia đình, hiện tình cảm vợ chồng không còn.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với chồng bà. Về con chung bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chồng bà có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-01-2021, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:* Thống nhất theo phần lớn lời trình bày của bà T. Đối với phần mâu thuẫn, ông cho rằng vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc; vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay và không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ ông.

Về con chung: Ông đồng ý giao con cho vợ ông nuôi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất như lời trình bày của bà T, tức không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L; đồng thời, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông bà về con chung, tài sản chung và nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông L chung sống với nhau vào năm 2006, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

G, huyện G vào ngày 14-12-2007, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà T có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa ông bà thì thấy: Bà T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do ông L ham mê cờ bạc và 02 lần bị xử phạt tù nên phải đi thụ hình án tổng cộng 09 năm tù; ông L cho rằng tính tình vợ chồng không phù hợp nên không thể chung sống hạnh phúc được nữa. Vợ chồng ly thân là từ năm 2010 cho đến nay và không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Khi bà T yêu cầu ly hôn ông L đồng ý. Do ông bà cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà thống nhất: Giao bà T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 23-10-2007, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của ông bà là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lộc và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn L. Bà T được ly hôn với ông L.

2/. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 23-10-2007. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Bà T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số

0012606 ngày 02-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- UBND thị trấn G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Vân Quỳnh**